

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-11-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Công.

Bà Trần Ngọc Phương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy– Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 714/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1992; nơi thường trú: Xóm 3, xã Q, huyện Q1, tỉnh Nghệ An, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1986; nơi thường trú: Số 437, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 6 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị D trình bày:

Bà D và ông H tự nguyện tìm hiểu tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường L, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 272/2015, quyền số 02/2015, ngày 07 tháng 12 năm 2015.

Sau khi kết hôn, bà D và ông H sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên sau một thời gian chung sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân ông H không lo làm ăn mà hay phá và gây nợ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau thậm

chí đánh nhau từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung. Bà D và ông H sống ly thân và không sống chung một nhà từ cuối năm 2016 cho đến nay. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà D và ông H có một con chung là Nguyễn Phước K sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà D và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn mặc dù bị đơn có nhà nhưng bị đơn từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Theo kết quả xác minh tại Công an phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương: Ông H có đăng ký thường trú tại số 437, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông H theo hình thức niêm yết công khai tại nơi thường trú của ông H, Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhưng ông H không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa lần thứ nhất ông H vắng mặt không có lý do gây khó khăn cho Tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án.

Bà D có đơn xét xử vắng mặt và bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa ông H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì và ông không đồng ý ly hôn và yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung Nguyễn Phước K sinh ngày 11/5/2016.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông H; về con chung: Giao con chung Nguyễn Phước K sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016 cho bà D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Bà D khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H; ông H có nơi thường trú tại số 437, khu phố N, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với bị đơn có thái độ không hợp tác và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử và tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn vắng mặt không có lý do gây khó khăn có Tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

[2.3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông H kết hôn vào ngày 07 tháng 12 năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Lái Thiêu, thị xã (nay là thành phố) Thuận An, tỉnh Bình Dương nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông H chính quyền địa phương không nhận thấy mâu thuẫn gì, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ông H có thái độ không hợp tác, gây khó khăn có Tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, ông H cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn gì, vẫn còn yêu thương nhau tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai của ông H (bút lục 27) và bà D (bút lục 35) đều thừa nhận vợ chồng sống ly thân và không sống chung một nhà khoảng 04 đến 05 năm nay và không ai quan tâm đến ai, như vậy vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau, người nào chỉ biết bỏn phận người đó, bỏ mặc nhau.

[3.3] Xét thấy, tình trạng mâu thuẫn giữa bà D và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà D và ông H có một con chung tên Nguyễn Phước K sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016. Bà D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét, bà D có công việc và thu nhập ổn định, cháu K sống chung với bà D từ nhỏ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành

người con hiếu thảo và công dân có ích cho xã hội cần tiếp tục giao cháu K cho bà D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị D đối với bị đơn ông Nguyễn Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phước K sinh ngày 11 tháng 5 năm 2016 cho bà Hồ Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Nguyễn Văn H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hồ Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002818 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Nguyễn Thị Thu Hà

